

Số: 1080/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm của biên chế công chức;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 2401-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1094-QĐ/TU ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về việc giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1475/SNV-TCBC-CCVC ngày 23/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa năm 2024 như sau:

1. Tổng số biên chế công chức là **1.859 chỉ tiêu**, trong đó:

a) Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh: **1.126 chỉ tiêu** (bao gồm 04 chỉ tiêu để điều tiết, bổ sung);

b) Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp huyện: **733 chỉ tiêu**.

(Chi tiết phân bổ theo Phụ lục đính kèm)



Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức cho các tổ chức thuộc và trực thuộc theo vị trí việc làm đã được phê duyệt, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế công chức được giao, đảm bảo các điều kiện quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

2. Căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức được giao, triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế, sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và số lượng cấp phó theo quy định hiện hành;

3. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất; xây dựng kế hoạch biên chế công chức cho năm tiếp theo, nghiêm túc thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo lộ trình và gửi báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 5 hằng năm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);;
- HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, HP, HT. 37

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan hành chính nhà nước	Giao năm 2024
1	2	3
	<u>TOÀN TỈNH:</u>	<u>1,859</u>
I	CẤP TỈNH	1,126
1	LÃNH ĐẠO HĐND TỈNH	2
2	LÃNH ĐẠO UBND TỈNH	4
3	ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH CHUYÊN TRÁCH	8
4	VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HĐND TỈNH	22
5	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	56
6	THANH TRA TỈNH	38
7	BAN DÂN TỘC	14
8	BQL KKT VÂN PHONG	30
9	SỞ CÔNG THƯƠNG	32
10	SỞ DU LỊCH	18
11	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	68
12	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	46
13	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	40
14	SỞ NGOẠI VỤ	19
15	SỞ TÀI CHÍNH	54
16	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	29
17	SỞ XÂY DỰNG	52
18	SỞ Y TẾ	56
19	SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT	282
20	SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XÃ HỘI	49
21	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	32

STT	Tên cơ quan hành chính nhà nước	Giao năm 2024
22	SỞ TƯ PHÁP	28
23	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	63
24	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	22
25	SỞ NỘI VỤ	58
26	CHỈ TIÊU ĐIỀU TIẾT, BỔ SUNG	4
II	CẤP HUYỆN	733
1	UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG	120
2	UBND THÀNH PHỐ CAM RANH	96
3	UBND THỊ XÃ NINH HÒA	98
4	UBND HUYỆN VẠN NINH	82
5	UBND HUYỆN DIÊN KHÁNH	86
6	UBND HUYỆN CAM LÂM	85
7	UBND HUYỆN KHÁNH SƠN	78
8	UBND HUYỆN KHÁNH VĨNH	81
9	UBND HUYỆN TRƯỜNG SA	7./.